

**CÔNG TY TNHH ECOPLAT VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ECOPLAT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ECOPLAT VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ECOPLAT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109494163

**3. Ngày thành lập:** 14/01/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô 35 cụm Công nghiệp Lại Yên, Xã Lại Yên, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0916108545

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                   | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                | 2220(Chính) |
| 2.  | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh        | 2013        |
| 3.  | Tái chế phế liệu                                            | 3830        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                          | 4649        |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu           | 4669        |
| 6.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet     | 4791        |
| 7.  | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu                       | 2420        |
| 8.  | Đúc sắt, thép                                               | 2431        |
| 9.  | Đúc kim loại màu                                            | 2432        |
| 10. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                      | 3311        |
| 11. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                | 2592        |
| 12. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                  | 3312        |
| 13. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                     | 3320        |
| 14. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng | 2593        |
| 15. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 2599        |
| 16. | In ấn                                                       | 1811        |
| 17. | Dịch vụ liên quan đến in                                    | 1812        |
| 18. | Sao chép bản ghi các loại                                   | 1820        |
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                          | 4610        |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp      | 4653        |
| 21. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                         | 4662        |
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng     | 4663        |

|     |                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                   | 4659 |
| 24. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                 | 4690 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>-Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>-Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa | 8299 |
| 26. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                        | 2610 |
| 27. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                         | 2620 |
| 28. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                    | 2630 |
| 29. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                | 2640 |
| 30. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                    | 2710 |
| 31. | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                                                            | 2720 |
| 32. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                               | 2731 |
| 33. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                            | 2732 |
| 34. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                           | 2733 |
| 35. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                 | 2740 |
| 36. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                         | 2750 |
| 37. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                       | 2790 |
| 38. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                    | 2022 |
| 39. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ sơn, màu, vécni trong các cửa hàng chuyên doanh                       | 4752 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM VĂN NGHĨA | P413, TT Trường Múa, Tổ 17, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 2.700.000.000         | 45,000    | 013260504                                                                                                                                         |         |

|   |                 |                                                                                      |               |        |              |  |
|---|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|--------------|--|
| 2 | ĐỖ ĐỨC TÀI      | P314-K13-ĐT Việt Hưng, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 2.100.000.000 | 35,000 | 036081003910 |  |
| 3 | NGUYỄN VĂN DŨNG | Thôn Đoài, Xã Nam Hồng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | 1.200.000.000 | 20,000 | 030082008045 |  |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM VĂN NGHĨA

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *11/07/1980*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *013260504*

Ngày cấp: *08/02/2010*

Nơi cấp: *Công an Thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *2214-S4 Khu đô thị Gold Mark City 136 Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P413, TT Trường Múa, Tổ 17, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội